TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/DS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2026
V/v: *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ ông **Dư Công Thử**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Trúc Hương**.

Thư ký phiên tòa: ông **Hoàng Rung K'Tuấn**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vy Thị H, sinh năm 1967; Nơi cư trú: số nhà A thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn; Địa chỉ liên hệ: Vựa ra nông sản Huyền Thủy T, thôn N, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ A phường B, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn N, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2025, các đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Vy Thị H là chủ cửa hàng B1 kinh doanh tại thôn N, xã K. Trong quá trình kinh doanh vào ngày 13/6/2024, bà H có thuê bà Đỗ Thị H1 (tên thường gọi là S) làm thuê cho bà H tại vựa nông sản và có trả lương hàng tháng, hình thức thuê mùa vụ, ngắn hạn. Công việc cụ thể bà H giao cho bà H1 là: Thực hiện việc tìm kiếm

khách hàng, giao tiếp trực tiếp với khách hàng hoặc qua điện thoại, khách đến mua hàng bà H1 được tiếp xúc, báo giá (giá do bà H chỉ đạo), lên đơn hàng và tính tiền bông hàng (toa hàng) theo từng ngày. Sau khoảng 05 đến 06 ngày, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng cho bà H trực tiếp qua số tài khoản của bà H là 8407205082186 tại Ngân hàng A chi nhánh N - Lạng Sơn (PGD T - Lạng Sơn) chủ tài khoản Vy Thị H. Bà H1 không được nhận tiền của khách hàng trả trực tiếp hoặc chuyển về tài khoản cá nhân của bà H1. Tuy nhiên, từ tháng 7,8,9 năm 2025 bà H1 đã cung cấp số tài khoản cá nhân bà H1 số 05561000601959 V-Ngân hàng TMCP N1 và yêu cầu khách hàng chuyển tiền về tài khoản này, khi nhận được tiền khách hàng trả tiền hàng cho bà H thì bà H1 đã chiếm giữ. Cụ thể có 4 (bốn) khách hàng mua hàng của bà H đã chuyển tiền về tài khoản cá nhân bà H1 theo yêu cầu của bà H1 và bà H1 chiếm giữ tiền của bà H. Sau đó, từ ngày 7/9/2025, bà H1 nghỉ làm và mở cửa hàng nông sản tự kinh doanh sau khi nghỉ làm bà H1 vẫn tiếp tục yêu cầu khách hàng của bà H mua hàng chưa trả tiền chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà H1. Những khách hàng này trước thời điểm bà H1 còn làm thuê cho bà H thì bà H1 là người bán hàng, làm toa hàng. Biết được sự việc này, bà H đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu bà H1 chuyển trả tiền nhưng bà H1 không trả. Bà H1 đã nhận tổng số tiền của các khách hàng chuyển trả tiền mua hàng của bà H là 197.400.000đ.

Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B**:** Số tiền 42.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày nhận tiền 24/9/2025 đến ngày 08/6/2026 là 257 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 2.957.260đ;

Bà Huỳnh Thị Kim P**:** Số tiền 57.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày nhận tiền 09/9/2025 đến ngày 08/6/2026 là 272 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 4.247.671đ;

Bà Trần Thị Bích T1: Số tiền 58.400.000đ; yêu cầu tính lãi số tiền 32.500.000đ từ ngày 16/9/2025 đến ngày 08/6/2026 là 265 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 2.359.589đ; yêu cầu tính lãi suất số tiền 25.900.000đ từ ngày 18/10/2025 đến ngày 08/6/2026 là 233 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 1.653.342đ. Tổng tiền lãi của bà T1 là: 4.012.931đ;

Ông Hồ Tiến D: Số tiền 40.000.000đ; yêu cầu tính lãi từ ngày nhận tiền 30/7/2025 đến ngày 08/6/2026 là 313 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 3.430.137đ;

Bà H yêu cầu bà H1 phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 197.400.000đ đã nhận của các khách hàng và số tiền lãi 14.648.000đ tạm tính đến ngày 08/6/2026 hiện đang chiếm giữ không trả cho bà H. Tổng số tiền yêu cầu là 212.048.000đ.

Ngoài yêu cầu trên thì bà H còn yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 60.453.000đ của các khách hàng Hồ Tiến D, Trần Thị Bích T1 còn nợ chưa trả (ông D 52.418.000đ; bà T1 8.035.000đ) vì số nợ này bà H1 là người trực tiếp bán hàng cho ông D, bà T1 nên bà H1 phải có nghĩa vụ đi lấy nợ. Yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của số tiền 60.453.000đ từ ngày 30/7/2025 đến ngày 08/6/2026 là 313 ngày, với mức lãi suất 10%/năm là 5.184.284đ.

Tổng số tiền yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H là 277.685.284đ (Trong đó tiền gốc 257.853.000đ + 19.832.284đ tiền lãi chậm trả).

Bị đơn bà Đỗ Thị H1 trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2026 như sau:

Bà H1 xác nhận trước đây có làm thuê cho bà Vy Thị H, công việc là bán hàng, tìm kiếm khách hàng, làm toa hàng cho bà Vy Thị H và đến ngày 07/9/2025 thì nghỉ làm ra kinh doanh riêng. Trong thời gian làm thuê cho bà H, có một số khách hàng do bà H1 bán hàng đã chuyển tiền trả tiền hàng của của bà Vy Thị H vào tài khoản cá nhân của bà H1, và do khó khăn về kinh tế nên bà H1 đã giữ lại và đến nay chưa trả cho bà Vy Thị H. Bà H1 thừa nhận đã nhận tổng số tiền 157.400.000đ từ các khách hàng B, P, T1 như lời trình bày của bà Vy Thị H và đồng ý trả lại cho bà H số tiền gốc cũng như các khoản tiền lãi như bà H yêu cầu. Riêng về số tiền 40.000.000đ từ khách hàng Hồ Tiến D, do người làm công của ông D là Trần Minh Đ chuyển vào tài khoản của bà H1 vào ngày 08/9/2025 không phải trả nợ tiền hàng cho bà Vy Thị H, bà H1 cho rằng ông D chuyển trả tiền hàng mua sú, thảo, xà lách, cà tím…cho bà H1. Bà H1 không đồng ý trả lại số tiền 40.000.000đ này cho bà Vy Thị H.

Đối với yêu cầu của bà H về việc buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 60.453.000đ cùng số tiền lãi chậm trả từ ngày 30/7/2025 của các khách hàng Hồ Tiến D, Trần Thị Bích T1 còn nợ chưa trả (ông D 52.418.000đ; bà T1 8.035.000đ), bà H1 không đồng ý, bà H1 cho rằng ông D, bà T1 mua hàng của bà H đến nay còn nợ chưa trả thì bà H đi đòi ông D, bà T1, bà H1 chỉ là người làm công không có nghĩa vụ phải đứng ra trả nợ thay cho ông D, bà T1, giữa bà H1 và bà H chỉ là thỏa thuận lao động bằng miệng, hai bên không có hợp đồng lao động, thỏa thuận bà H thuê bà H1 đứng bán hàng, tìm kiếm khách hàng, làm toa hàng, không có bất kỳ thỏa thuận nào người bán hàng phải có nghĩa vụ đi đòi nợ cho bà H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền 8.035.000đ hiện do bà Trần Thị Bích T1 chưa trả vì hiện nay bà T1 vẫn còn làm ăn buôn bán với nguyên đơn. Riêng khoản tiền 52.418.000đ khách hàng Hồ Tiến D còn nợ, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền này cùng số tiền 197.400.000đ đã chiếm giữ. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải có nghãi vụ hoàn trả là 249.818.000đ cùng số tiền lãi 10%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà, Toà án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị H. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Vy Thị H số tiền 197.400.000đ cùng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.621.479đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vy Thị H về yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị H1 trả số tiền 52.418.000đ cùng số tiền lãi chậm trả từ ngày 30/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho bị đơn thoe quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 197.400.000đ cùng số tiền lãi 15.621.479đ:

Qua đối chiếu các tài liệu, sao kê tài khoản ngân hàng của bà Đỗ Thị H1 xác định trong thời gian làm việc và sau khi nghỉ việc tại vựa nông sản của bà H, bà H1 đã tự ý cung cấp số tài khoản cá nhân để nhận tiền thanh toán từ 4 khách hàng của bà H tổng cộng 197.400.000đ. Bà H1 thừa nhận, nhận giữ tiền của bà B, bà P, bà T1. Đối với số tiền 40.000.000đ từ phía khách hàng Hồ Tiến D chuyển khoản, bà H1 cho rằng đây là giao dịch ông D trả nợ riêng của bà nhưng phía bà H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh hoặc có xác nhận từ ông D. Xét thời điểm giao dịch và mối quan hệ khách hàng cũ, phía nguyên đơn chứng minh được đây là tiền thanh toán đơn hàng của cơ sở H2. Do đó, việc bà H1 giữ lại số tiền này là chiếm giữ tài sản không có căn cứ pháp luật. Yêu cầu của nguyên đơn đòi lại 197.400.000đ tiền gốc là có cơ sở. Về tiền lãi: Do bị đơn chậm trả tiền, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tính từ thời điểm nhận các khoản tiền đến ngày xét xử (26/06/2026), tổng số tiền lãi hợp pháp bị đơn phải chịu là 15.621.479đ.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 52.418.000đ cùng số tiền lãi chậm trả từ ngày 30/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm:

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và bà H1 chỉ tồn tại thỏa thuận lao động miệng, công việc bán hàng hưởng lương. Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện hai bên có thỏa thuận bà H1 phải chịu trách nhiệm thanh toán thay hoặc liên đới chịu trách nhiệm nếu khách hàng chậm trả tiền. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng không chứng minh được số tiền 52.418.000đ ông D đã chuyển trả vào tài khoản của bị đơn. Như vậy, khách hàng Hồ Tiến D vẫn là người có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này trực tiếp cho chủ vựa là bà H. Việc nguyên đơn bắt người làm công chịu trách nhiệm trả thay nợ là không có căn cứ pháp luật, vì vậy không chấp nhận khoản tiền gốc 52.418.000đ cũng như khoản tiền lãi phát sinh 4.753.523đ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B2 – Lâm Đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn chịu án phí trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí trên phần yêu cầu bị bác bỏ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị H. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Vy Thị H số tiền gốc chiếm giữ là 197.400.000đ *(Một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng)* và tiền lãi phát sinh là 15.621.479đ *(Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng)*. Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán là 213.021.479đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị H về việc buộc bà Đỗ Thị H1 phải trả số tiền 52.418.000đ *(Năm mươi hai triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng)* cùng số tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền này tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.753.523đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H1 phải chịu 10.651.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Vy Thị H phải chịu 2.858.000đ tiền án phí dân sự. Cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.764.600đ do bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0003874 ngày 10/3/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Vy Thị H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.906.600đ.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn bà Vy Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà Đỗ Thị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014".

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TAND KHU VỰC 2

41/2024/TLST-DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân